



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc chi trả tiền giảm 70% học phí cho sinh viên khóa 47
nhóm ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm Học kỳ 2 – Năm học 2025-2026**

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-CDCT ngày 07/05/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc chi trả tiền giảm 70% học phí cho sinh viên khóa 47 nhóm ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm học kỳ 2 năm học 2025-2026;

Phòng Tài chính Kế toán thông báo đến các em sinh viên khóa 47 gồm các ngành: công nghệ chế tạo máy, công nghệ kỹ thuật cơ khí, công nghệ kỹ thuật điện điện tử và công nghệ kỹ thuật ô tô đến phòng Tài chính Kế toán nhận tiền giảm học phí học kỳ 2 năm học 2025-2026 theo thời gian cụ thể như sau:

I. Thời gian trả tiền cho sinh viên:

Bắt đầu từ ngày 09/06/2026 đến hết ngày 12/06/2026

(Giờ hành chính: Buổi sáng từ 8 giờ đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 14 giờ đến 16 giờ 30).

1. Ngành công nghệ chế tạo máy:

➤ Nhận tiền **ngày 09/06/2026**

2. Ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí:

➤ Nhận tiền **ngày 09/06/2026**

3. Ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử:

➤ Nhận tiền **ngày 10/06/2026**

4. Ngành công nghệ kỹ thuật ô tô:

➤ Nhận tiền **từ ngày 11/06/2026 đến hết ngày 12/06/2026**

II. Địa điểm nhận tiền: Phòng Tài chính Kế toán (A07).

III. Lưu ý:

- Sinh viên vui lòng **xem trước số thứ tự trong danh sách đính kèm** và cung cấp thông tin cho bộ phận chi trả tiền để thuận tiện trong quá trình nhận tiền.

- Khi đến nhận tiền, sinh viên phải mang theo **Thẻ sinh viên hoặc Căn cước công dân** để đối chiếu thông tin.

- Trường hợp cần hỗ trợ, sinh viên vui lòng liên hệ:

- o Email: tckt@hitu.edu.vn
- o Điện thoại: 028.37312369 (gặp cô Việt hoặc cô Trâm).

Phòng Tài chính Kế toán thông báo để sinh viên biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng CTHSSV “để biết”;
- Cố vấn học tập “TB cho sinh viên”;
- Lưu TCKT.

**PHÒNG TCKT
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Lê Thị Tâm

Số: 308/QĐ-CDCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi trả tiền giảm 70% học phí cho sinh viên khóa 47 nhóm ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ quyết định số 2043/QĐ-BCT ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ thông tư số 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 06 năm 2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi trả tiền giảm 70% học phí cho 673 sinh viên ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khóa 47 học kỳ 2 của năm học 2025 - 2026 (có danh sách kèm theo) như sau:

1. Ngành Công nghệ chế tạo máy (mã ngành 6510212) 38 sinh viên với số tiền 172.900.000 đồng;
2. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí (mã ngành 6510201) 146 sinh viên với số tiền 664.300.000 đồng;
3. Ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (mã ngành 6510303) 133 sinh viên với số tiền 605.150.000 đồng.
4. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô (mã ngành 6510202) 356 sinh viên với số tiền 1.619.800.000 đồng;

Tổng số sinh viên khóa 47 ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được nhận tiền giảm 70% học phí học kỳ 2 năm học 2025 - 2026 là **673** sinh viên với số tiền **3.062.150.000** đồng (Ba tỷ không trăm sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng các phòng, khoa có liên quan và sinh viên có tên trong điều 1 căn cứ quyết định thi hành./✓

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, CTHSSV.

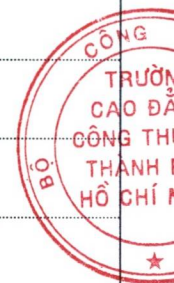


Bùi Mạnh Tuấn

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
(THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP) HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

*Kèm theo quyết định số: 308/QĐ-CDCT, ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh Viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Mức học phí được miễn, giảm	Ký nhận
KHÓA 47 (2023 - 2026) NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY											
1	Nguyễn Văn Hải	03/05/2002	CCQ2304A	2123040002	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
2	Trần Hoàng Danh	24/04/2005	CCQ2304A	2123040003	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
3	Bùi Thanh Tân	02/10/2005	CCQ2304A	2123040004	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
4	Vũ Đình Tùng	10/03/2005	CCQ2304A	2123040005	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
5	Thạch Ngọc Sơn	25/09/2004	CCQ2304A lớp trưởng	2123040006	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
6	Phạm Thành Phát	10/08/2005	CCQ2304A	2123040007	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
7	Nguyễn Ngọc Phúc	19/01/2005	CCQ2304A	2123040008	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
8	Cù Hoàng Vương	08/05/2005	CCQ2304A	2123040009	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
9	Trần Nhật Tài	26/03/2005	CCQ2304A	2123040012	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
10	Nguyễn Văn Thông	10/09/2005	CCQ2304A	2123040013	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	



11	Nguyễn Văn Hoàng	22/11/2005	CCQ2304A	2123040014	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
12	Phạm Thành Phát	26/04/2005	CCQ2304A	2123040016	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
13	Huỳnh Ngọc Hồ	27/07/2005	CCQ2304A	2123040017	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
14	Nguyễn Hoàng Khang	18/04/2005	CCQ2304A	2123040018	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
15	Võ Trường Thành	03/06/2005	CCQ2304A	2123040019	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
16	Nguyễn Tiến Toàn	06/06/2005	CCQ2304A	2123040020	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
17	Nguyễn Trương Tín	12/02/2005	CCQ2304A	2123040021	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
18	Ngô Thái Tổ	06/05/2005	CCQ2304A	2123040024	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
19	Trần Hải Đăng	17/04/2005	CCQ2304A	2123040030	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
20	Huỳnh Nguyễn Hữu Trí	30/05/2005	CCQ2304A	2123040032	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
21	Nguyễn Minh Tuấn	16/08/2005	CCQ2304B	2123040036	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
22	Phạm Chí Vỹ	30/10/2005	CCQ2304B	2123040037	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
23	Phùng Triệu Tiên	02/10/2005	CCQ2304B	2123040039	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
24	Nguyễn Văn Nghĩa	10/10/2005	CCQ2304B	2123040043	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
25	Hồ Văn Mạnh	02/03/2004	CCQ2304B	2123040044	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
26	Hoàng Quách Tĩnh	21/03/2005	CCQ2304B	2123040051	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
27	Âu Dương Khánh	17/12/2005	CCQ2304B	2123040054	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
28	Hồ Phúc Quốc	09/01/2005	CCQ2304B	2123040055	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

29	Đỗ Anh Tuấn	15/02/2005	CCQ2304B	2123040057	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
30	Phạm Thành Tài	10/08/2005	CCQ2304B	2123040058	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
31	Cao Tấn Tài	14/02/2005	CCQ2304B	2123040062	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
32	Trương Công Huy	07/09/2005	CCQ2304B	2123040063	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
33	Tô Ngọc Vũ	18/08/2005	CCQ2304B	2123040067	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
34	Nguyễn Quang Trường	08/04/2005	CCQ2304B	2123040068	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
35	Lộ Phú Vinh	29/11/2005	CCQ2304B	2123040070	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
36	Đỗ Anh Thường	24/09/2005	CCQ2304A	2123040072	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
37	Phan Phú Ân	23/09/2005	CCQ2304B	2123040073	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
38	Trần Văn Tuấn	19/09/2004	CCQ2304B	2123040075	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510212	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
TỔNG CỘNG KHÓA 47:						38			172.900.000		

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
(THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP) HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

*Kèm theo quyết định số: 308/QĐ-CDCT, ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh Viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Mức học phí được miễn, giảm	Ký nhận
KHÓA 47 (2023 - 2026) NGÀNH CÔNG NGHỆ KT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ											
1	Nguyễn Quốc Hoàng Huy	15/09/2005	CCQ2305A	2123050004	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
2	Nguyễn Huy Tú	31/08/2005	CCQ2305A	2123050005	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
3	Vũ Văn Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A	2123050007	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
4	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A	2123050008	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
5	Nguyễn Thái Sơn	02/06/2005	CCQ2305A	2123050009	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
6	Huỳnh Tường Huy	11/10/2005	CCQ2305A	2123050011	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
7	Đỗ Tuấn Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A	2123050015	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
8	Nguy Thành Giăng	01/05/2005	CCQ2305A	2123050019	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

9	Đạt Ngọc Lý	15/05/2005	CCQ2305A	2123050020	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
10	Nguyễn Triệu Vũ	28/11/2005	CCQ2305A	2123050027	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
11	Kiều Đan Trường	18/06/2005	CCQ2305A	2123050029	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
12	Trần Hưng Trung	23/07/2005	CCQ2305A	2123050030	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
13	Phạm Minh Quý	03/03/2004	CCQ2305A	2123050032	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
14	Nguyễn Quốc Duy	11/02/2005	CCQ2305A	2123050036	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
15	Nguyễn Văn Trí	24/08/2005	CCQ2305A	2123050042	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
16	Hồ Thanh Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	2123050045	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
17	Nguyễn Văn Bắc	15/02/2005	CCQ2305A	2123050046	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
18	Nguyễn Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	2123050047	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
19	Nguyễn Công Ý	14/07/2005	CCQ2305B	2123050049	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
20	Bùi Hải Phong	10/02/2005	CCQ2305B	2123050051	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
21	Nguyễn Thành Luân	05/09/2005	CCQ2305B	2123050052	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
22	Đinh Quang Nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B	2123050053	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
23	Nguyễn Lộc Ngọc Đăng	24/07/2005	CCQ2305B	2123050054	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
24	Nguyễn Công Trí	28/06/2005	CCQ2305B	2123050056	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
25	Trần Phúc Hưng	18/08/2005	CCQ2305B	2123050057	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

26	Bùi Minh Hải	07/10/2005	CCQ2305B	2123050058	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
27	Cao Thiên Thông	10/04/2005	CCQ2305B	2123050059	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
28	Lê Văn Cang	19/08/2005	CCQ2305B	2123050060	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
29	Huỳnh Dương Bình	08/04/2004	CCQ2305B	2123050061	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
30	Cao Xuân Phong	24/10/2005	CCQ2305B	2123050063	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
31	Lê Anh Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B	2123050066	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
32	Nguyễn Đoàn Trường Sơn	28/10/2005	CCQ2305B	2123050067	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
33	Nguyễn Trung Thoại	07/01/2005	CCQ2305B	2123050068	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
34	Phạm Trọng Nhân	15/07/2005	CCQ2305B	2123050070	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
35	Nguyễn Anh Văn	29/04/2005	CCQ2305B	2123050071	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
36	Võ Quang Đạt	01/11/2005	CCQ2305B	2123050072	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
37	Lâm Gia Long	20/04/2005	CCQ2305B	2123050073	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
38	Nguyễn Văn Kha	13/07/2004	CCQ2305B	2123050074	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
39	Nguyễn Hoài Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B	2123050075	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
40	Đỗ Minh Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	2123050077	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
41	Bùi Đình Luật	20/10/2002	CCQ2305B	2123050078	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
42	Tô Quốc Tuyền	13/09/2005	CCQ2305B	2123050081	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

43	Phan Hữu Hội	21/09/2005	CCQ2305B	2123050082	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510304	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
44	Nguyễn Trần Đăng Khoa	30/08/2005	CCQ2305B	2123050083	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
45	Lê Văn Danh	10/11/1997	CCQ2305B	2123050084	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
46	Huỳnh Văn Lắm	10/10/2005	CCQ2305B	2123050089	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
47	Đỗ Nhật Tân	19/04/2005	CCQ2305C	2123050090	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
48	Trần Anh Quân	26/12/2005	CCQ2305B	2123050091	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
49	Phạm Ngọc Huân	21/04/2005	CCQ2305C	2123050092	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
50	Bùi Duy Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	2123050093	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
51	Đặng Thanh Quân	04/01/2005	CCQ2305C	2123050095	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
52	Nguyễn Thanh Hùng	17/06/2003	CCQ2305C	2123050099	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
53	Nguyễn Anh Quang	25/05/2005	CCQ2305C	2123050101	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
54	Nguyễn Quốc Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	2123050102	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
55	Phạm Long Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	2123050106	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
56	Phạm Huỳnh Quốc	15/11/2005	CCQ2305C	2123050107	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
57	Lâm Văn Lực	29/01/2005	CCQ2305C	2123050109	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
58	Đỗ Tấn Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	2123050110	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
59	Trần Minh Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	2123050114	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

60	Trương Quốc Dũng	19/05/2005	CCQ2305C	2123050115	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
61	Phạm Nguyễn Hoàng Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	2123050118	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
62	Đặng Mậu Thành	15/06/2005	CCQ2305C	2123050120	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
63	Trần Nhật Tường	12/08/2005	CCQ2305C	2123050123	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
64	Nguyễn Hoàng Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	2123050125	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
65	Nguyễn Đình Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	2123050126	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
66	Trần Duy Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C	2123050128	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
67	Bùi Văn Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	2123050129	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
68	Nguyễn Đức Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	2123050132	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
69	Hán Nhật Cường	31/07/2005	CCQ2305C	2123050133	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
70	Bá Trung Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	2123050134	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
71	Bá Trung Lễ	05/08/2005	CCQ2305C	2123050135	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
72	Nguyễn Văn Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C	2123050136	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
73	Phạm Nguyễn Công Luận	30/01/2005	CCQ2305C	2123050138	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
74	Trần Đức Hải	01/06/2005	CCQ2305C	2123050139	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
75	Nguyễn Phạm Mạnh Duy	30/09/2005	CCQ2305D	2123050140	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
76	Vũ Xuân Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D	2123050141	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

77	Đỗ Thanh Cao	22/06/2005	CCQ2305D	2123050142	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
78	Cao Lâm Triều Phát	19/01/2004	CCQ2305D	2123050143	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
79	Phạm Huỳnh Phúc	18/02/2005	CCQ2305D	2123050147	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
80	Trịnh Minh Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	2123050156	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
81	Trương Ngọc Thái	04/09/2005	CCQ2305D	2123050157	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
82	Quảng Đại Sang	19/10/2005	CCQ2305D	2123050158	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
83	Châu Ngọc Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	2123050159	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
84	Nguyễn Lê Thành Trung	19/06/2005	CCQ2305D	2123050164	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
85	Đặng Đức Duy	08/11/2005	CCQ2305D	2123050167	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
86	Đặng Hoài Nam	22/08/2005	CCQ2305D	2123050169	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
87	Nào Văn Diên	02/05/2005	CCQ2305D	2123050171	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
88	Thạch Hoàng Linh	12/10/2004	CCQ2305D	2123050179	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
89	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D	2123050181	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
90	Nguyễn Ngọc Hòa	23/10/2005	CCQ2305C	2123050186	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
91	Phạm Công Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	2123050187	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
92	Trần Hữu Nam Khánh	19/11/2005	CCQ2305D	2123050190	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
93	Võ Triệu Thiên	01/05/2005	CCQ2305D	2123050191	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

94	Hán Ngọc Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B	2123050194	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
95	Vũ Tiến Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	2123050195	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
96	Hán Tấn Duy	26/03/2005	CCQ2305E	2123050196	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
97	Sử Ngọc Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	2123050199	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
98	Mai Nhựt Hào	23/11/2004	CCQ2305E	2123050202	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
99	Đỗ Thế Đức	24/09/2005	CCQ2305E	2123050205	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
100	Hoàng Đăng Luật	26/09/1996	CCQ2305E	2123050209	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
101	Trần Huy Phú	02/02/2003	CCQ2305A	2123050213	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
102	Nại Hoàng Chương	11/02/2004	CCQ2305E	2123050216	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
103	Bùi Quốc Duy	06/01/2004	CCQ2305D	2123050217	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
104	Võ Trương Đức	19/05/2005	CCQ2305E	2123050220	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
105	Báo Tuấn Phương	25/10/2005	CCQ2305E	2123050227	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
106	Phạm Quang Huy	08/06/2005	CCQ2305E	2123050228	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
107	Mai Thái Bình	02/10/2005	CCQ2305B	2123050232	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
108	Nguyễn Tấn Thành	04/07/2005	CCQ2305A	2123050233	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
109	Triệu Trung Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A	2123110113	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
110	Nguyễn Thanh Đông	16/07/2005	CCQ2305E	2123110121	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

111	Hồ Hoàng Phúc	12/03/2005	CCQ2306A	2123060002	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
112	Nguyễn Văn Công	03/12/2005	CCQ2306A	2123060012	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
113	Nguyễn Xuân Vũ	06/12/2005	CCQ2306A	2123060013	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
114	Lê Hoàng Thắng	11/01/2005	CCQ2306A	2123060022	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
115	Hoàng Ngọc Bộ	29/11/2005	CCQ2306A	2123060025	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
116	Tân Ngọc Thanh Châu	29/07/2005	CCQ2306A	2123060038	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
117	Cao Thành Danh	23/11/2005	CCQ2306A	2123060050	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
118	Hoàng Công Phong	13/04/2005	CCQ2306A	2123060065	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
119	Hồ Văn Nhuận	01/10/2005	CCQ2306A	2123060086	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
120	Nguyễn Quốc Chiến	28/01/2004	CCQ2306A	2123060096	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
121	Nguyễn Hữu Bách	17/10/2005	CCQ2306A	2123060105	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
122	Nguyễn Tấn Đạt	23/06/2005	CCQ2306A	2123060113	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
123	Huỳnh Văn Đức	07/03/2005	CCQ2306A	2123060119	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
124	Đặng Anh Khoa	15/08/2004	CCQ2306A	2123060127	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
125	Đàm Quang Phú	19/05/2005	CCQ2306A	2123060177	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
126	Nguyễn Văn Hùng	27/12/2002	CCQ2306A	2123060182	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
127	Võ Thái Bình	02/01/2005	CCQ2306A	2123060183	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

128	Nguyễn Duy Thiện	03/05/2004	CCQ2306A	2123060192	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
129	Đặng Cao Hiểu	22/09/2004	CCQ2306A	2123060193	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
130	Lê Văn Phi	30/10/2005	CCQ2306A	2123060200	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
131	Thái Nhật Hoàng	09/07/2005	CCQ2306A	2123060208	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
132	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	16/12/2005	CCQ2306A	2123060211	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
133	Nguyễn Thành Tín	26/09/2003	CCQ2306A	2123060214	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510303	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
TỔNG CỘNG KHÓA 47:						133			605.150.000		

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm linh năm triệu một trăm năm mươi ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Mạnh Tuấn

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
(THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP) HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

*Kèm theo quyết định số: 302./QĐ-CDCT, ngày 02 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh Viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Mức học phí được miễn, giảm	Ký nhận
KHÓA 47 (2023 - 2026) NGÀNH CÔNG NGHỆ KT CƠ KHÍ											
1	Mai Quốc Vinh	23/12/2005	CCQ2303A	2123030003	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
2	Trần Khải Long	07/04/2005	CCQ2303A	2123030005	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
3	Trịnh Hoàng Công Đức	27/02/2005	CCQ2303A	2123030006	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
4	Bùi Cao Nguyên Dũ	11/11/2004	CCQ2303A	2123030007	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
5	Nguyễn Tuấn Anh	07/11/2005	CCQ2303A	2123030009	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
6	Trần Nhật Long	08/05/2005	CCQ2303A	2123030011	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
7	Võ Đình Sơn	23/07/2005	CCQ2303A	2123030014	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
8	Mai Xuân Hào	05/11/2005	CCQ2303A	2123030015	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
9	Nguyễn Trọng Trường	17/05/2004	CCQ2303A	2123030017	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

10	Từ Quốc Du	12/10/2005	CCQ2303A	2123030018	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
11	Trương Nhật Trang	20/11/2005	CCQ2303A	2123030019	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
12	Nguyễn Ngọc Dũng	03/03/2005	CCQ2303A	2123030021	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
13	Phan Thiên Phước	02/05/2005	CCQ2303A	2123030023	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
14	Trần Ngọc Lực	30/11/2004	CCQ2303A	2123030026	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
15	Phạm Thành Vương	10/05/2005	CCQ2303A	2123030027	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
16	Trần Thanh Toàn	29/07/2004	CCQ2303A	2123030028	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
17	Ngô Ngọc Tuấn	11/09/2005	CCQ2303A	2123030030	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
18	Phan Nguyễn Quan Tâm	29/12/2004	CCQ2303A	2123030033	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
19	Đỗ Minh Thành	07/12/2005	CCQ2303A	2123030034	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
20	Kiều Lê Duy Bảo	18/04/2005	CCQ2303A	2123030035	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
21	Mai Bá Huyền	01/11/2005	CCQ2303B	2123030038	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
22	Nguyễn Nhật Đoàn	28/07/2004	CCQ2303B	2123030039	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
23	Bùi Ngọc Tiến	28/08/2004	CCQ2303B	2123030040	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
24	Văn Thế Nghi	05/06/2004	CCQ2303B	2123030041	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
25	Lý Trọng Nghĩa	08/12/2005	CCQ2303B	2123030042	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

26	Nguyễn Thế Anh	11/01/2005	CCQ2303B	2123030045	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
27	Nguyễn Bảo Toàn	27/08/2005	CCQ2303B	2123030046	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
28	Lê Văn Bảo	07/08/2005	CCQ2303B	2123030047	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
29	Nguyễn Thành Nhân	24/06/2005	CCQ2303B	2123030048	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
30	Quách Tuấn Kiệt	09/07/2005	CCQ2303B	2123030051	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
31	Hồ Sĩ Ngọc Duy	18/08/2005	CCQ2303B	2123030052	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
32	Nguyễn Trọng Nghĩa	02/10/2005	CCQ2303B	2123030053	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
33	Phan Đình Tiền	22/07/2005	CCQ2303B	2123030054	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
34	Đặng Văn Trường	02/04/2005	CCQ2303B	2123030057	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
35	Đặng Minh Kha	02/06/2005	CCQ2303B	2123030061	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
36	Phan Thành Phát	12/09/2005	CCQ2303B	2123030062	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
37	Nguyễn Phước Đạt	25/12/2005	CCQ2303B	2123030065	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
38	Phạm Văn Đạt	07/08/2005	CCQ2303B	2123030066	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
39	Nguyễn Văn Lợi	10/12/2005	CCQ2303B	2123030067	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
40	Cao Đức Hoàng	22/08/2001	CCQ2303B	2123030068	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
41	Nguyễn Hoàng Vũ	01/05/2005	CCQ2303B	2123030069	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

42	Nguyễn Huy	02/01/2005	CCQ2303B	2123030071	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
43	Hà Văn Vinh	04/05/2005	CCQ2303B	2123030072	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
44	Nguyễn Thái Anh Quân	01/09/2005	CCQ2303C	2123030073	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
45	Trần Hữu Toàn	29/05/2005	CCQ2303C	2123030075	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
46	Nguyễn Thọ Hùng	19/03/2005	CCQ2303C	2123030078	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
47	Nguyễn Thái Bình	31/03/2005	CCQ2303C	2123030080	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
48	Lê Công Hậu	08/11/2005	CCQ2303C	2123030083	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
49	Trần Hoàng Minh Tâm	28/03/2005	CCQ2303C	2123030085	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
50	Nguyễn Minh Thuận	23/06/2005	CCQ2303C	2123030086	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
51	Trần Quốc Huy	21/09/2005	CCQ2303C	2123030087	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
52	Nguyễn Tấn Phát	25/09/2005	CCQ2303C	2123030088	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
53	Trần Mai Khải	15/12/2005	CCQ2303C	2123030089	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
54	Trần Minh Truyền	31/07/2005	CCQ2303C	2123030090	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
55	Đỗ Văn Đăm	20/11/2004	CCQ2303C	2123030091	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
56	Nguyễn Trương Hữu	23/03/2005	CCQ2303C	2123030092	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
57	Trần Thanh Duy	20/12/2005	CCQ2303C	2123030093	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

58	Châu Thành Hiệp	13/10/2005	CCQ2303C	2123030095	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
59	Võ Tấn Dũng	01/06/2005	CCQ2303C	2123030099	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
60	Nguyễn Đỗ Anh Tuấn	28/11/2005	CCQ2303C	2123030100	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
61	Nguyễn Duy Lâm	14/04/2005	CCQ2303C	2123030101	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
62	Lý Công Quý	06/06/2005	CCQ2303C	2123030102	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
63	Nguyễn Đăng Khoa	25/10/2005	CCQ2303C	2123030103	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
64	Phạm Thanh Phú	20/10/2004	CCQ2303C	2123030107	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
65	Nguyễn Quốc Toàn	21/03/2005	CCQ2303D	2123030108	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
66	Huỳnh Trọng Tấn	22/08/2005	CCQ2303D	2123030110	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
67	Trần Hữu Trí	12/12/2005	CCQ2303D	2123030111	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
68	Trần Lê Trọng Phúc	27/04/2005	CCQ2303D	2123030113	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
69	Phan Công Nhĩ	17/11/2005	CCQ2303D	2123030114	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
70	Phan Văn Thành	25/11/2005	CCQ2303C	2123030116	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
71	Nguyễn Tuấn Kiệt	27/06/2005	CCQ2303D	2123030117	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
72	Phạm Quốc Việt	04/02/2005	CCQ2303D	2123030118	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
73	Mai Trần Duy Hiệu	26/05/2005	CCQ2303D	2123030119	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

74	Lưu Hoàng Nhi	11/01/2005	CCQ2303D	2123030120	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
75	Dương Thanh Lộc	26/01/2005	CCQ2303D	2123030121	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
76	Nguyễn Văn Định	17/10/2003	CCQ2303D	2123030122	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
77	Phạm Ngọc Phong	13/10/2005	CCQ2303D	2123030124	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
78	Nguyễn Huỳnh Trí	12/07/2005	CCQ2303D	2123030125	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
79	Phan Thành Thông	20/02/2005	CCQ2303D	2123030126	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
80	Nguyễn Ngọc Huy	18/10/2005	CCQ2303D	2123030127	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
81	Nguyễn Hữu Phúc	19/07/2005	CCQ2303D	2123030128	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
82	Võ Thanh Tú	22/07/2005	CCQ2303D	2123030131	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
83	Lê Hoàng	03/11/2005	CCQ2303D	2123030132	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
84	Hồ Minh Tiến	06/09/2005	CCQ2303D	2123030133	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
85	Hồ Văn Dự	28/10/2005	CCQ2303D	2123030134	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
86	Nguyễn Văn Chí	10/04/2005	CCQ2303D	2123030135	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
87	Nguyễn Văn Hồng Sơn	14/09/2005	CCQ2303D	2123030136	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
88	K Tín	15/09/2005	CCQ2303D	2123030138	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
89	Nguyễn Bình Phương	13/05/2005	CCQ2303E	2123030145	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

90	Mai Danh Đạt	04/09/2005	CCQ2303E	2123030149	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
91	Nguyễn Thành Đạt	01/05/2005	CCQ2303E	2123030150	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
92	Trần Anh Tuấn	14/02/2005	CCQ2303E	2123030151	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
93	Nguyễn Minh Khiêm	18/05/2005	CCQ2303E	2123030152	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
94	Nguyễn Thái Bảo	16/06/2005	CCQ2303E	2123030154	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
95	Võ Đức Thắng	01/05/2005	CCQ2303E	2123030156	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
96	Nguyễn Xuân Hùng	10/12/2005	CCQ2303E	2123030157	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
97	Huỳnh Mạnh Quân	09/12/2005	CCQ2303E	2123030161	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
98	Trần Khắc Vin	05/06/2005	CCQ2303E	2123030162	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
99	Trần Văn An	20/08/2005	CCQ2303E	2123030163	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
100	Trịnh Công Nam	06/02/2005	CCQ2303E	2123030164	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
101	Trần Văn Đài	01/06/2005	CCQ2303E	2123030165	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
102	Nguyễn Hiệp Hưng	15/05/2005	CCQ2303E	2123030166	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
103	Lưu Tấn Kiên	02/03/2005	CCQ2303E	2123030167	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
104	Lê Đức Thái	21/03/2005	CCQ2303E	2123030169	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
105	Lê Tuấn Kiệt	19/01/2005	CCQ2303E	2123030174	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

106	Lê Công Quyền	14/08/2005	CCQ2303E	2123030176	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
107	Nguyễn Nhật Trường	23/05/2005	CCQ2303E	2123030179	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
108	Trịnh Xuân Long	02/10/2004	CCQ2303F	2123030181	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
109	Trần Phương Nam	01/04/2005	CCQ2303F	2123030182	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
110	Đổng Duy Tuyền	07/01/2004	CCQ2303F	2123030184	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
111	Lê Xuân Hoàng Anh	21/03/2005	CCQ2303F	2123030187	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
112	Đặng Phúc Kinh	20/03/2005	CCQ2303F	2123030190	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
113	Lê Tuấn Kiệt	26/08/2004	CCQ2303F	2123030191	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
114	Nguyễn Thanh Phúc	15/12/2005	CCQ2303A	2123030199	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
115	Lê Minh Tú	15/08/2005	CCQ2303F	2123030205	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
116	Châu Khánh Hòa	06/09/2005	CCQ2303F	2123030206	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
117	Phan Quốc Vượng	02/09/2005	CCQ2303D	2123030208	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
118	Phạm Thái	11/07/2003	CCQ2303D	2123030210	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
119	Hồ Chíu Triệu	08/10/2005	CCQ2303F	2123030211	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
120	Trần Công Trường An	22/04/2005	CCQ2303F	2123030213	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
121	Nguyễn Tiến Quang	05/05/2005	CCQ2303F	2123030214	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

122	Nguyễn Thanh Tuấn	12/04/2005	CCQ2303E	2123030215	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
123	Chau Sô Dini	10/12/2004	CCQ2303F	2123030216	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
124	Ly Sa Phương	01/02/2005	CCQ2303F	2123030217	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
125	Hồ Đức Trọng	02/10/2005	CCQ2303F	2123030218	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
126	Nguyễn Thanh Thảo	15/06/2005	CCQ2303F	2123030219	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
127	Nguyễn Tấn Dũng	26/02/2005	CCQ2303F	2123030220	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
128	Nguyễn Văn Hoàng Thi	17/11/2005	CCQ2303F	2123030221	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
129	Trần Quang Minh	04/10/2005	CCQ2303G	2123030223	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
130	Bá Văn Khang	12/02/2005	CCQ2303G	2123030224	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
131	Phan Trung Hậu	12/07/2005	CCQ2303G	2123030225	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
132	Nguyễn Trung Thiện	11/02/2005	CCQ2303G	2123030226	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
133	Đặng Đình Hiếu	10/08/2005	CCQ2303A	2123030227	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
134	Nguyễn Trường Thọ	30/01/2005	CCQ2303F	2123030228	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
135	Trương Minh Trí	14/04/2005	CCQ2303G	2123030229	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
136	Nguyễn Văn Cường	10/07/2005	CCQ2303G	2123030230	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
137	Nguyễn Trương Gia Kiệt	29/05/2005	CCQ2303G	2123030233	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

138	Nông Duy Khánh	04/02/2005	CCQ2303G	2123030234	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
139	Lê Minh Luân	01/12/2005	CCQ2303G	2123030239	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
140	Nguyễn Văn Hiệp	17/02/2005	CCQ2303G	2123030240	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
141	Nguyễn Thế Hậu	20/04/2005	CCQ2303G	2123030249	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
142	Nguyễn Tiến Bảo	27/04/2004	CCQ2303G	2123030250	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
143	Đỗ Quốc Vin	26/08/2005	CCQ2303G	2123030251	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
144	Huỳnh Đỗ Gia Phát	13/08/2005	CCQ2303G	2123030254	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
145	Lê Quốc Việt	14/04/2004	CCQ2303B	2123030255	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
146	Nông Ngọc Quang	06/03/2005	CCQ2303G	2123030259	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510201	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
TỔNG CỘNG KHÓA 47:						146			664.300.000		

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 47 NGÀNH HỌC NẶNG NHỌC ĐỘC HẠI NGUY HIỂM NHẬN TIỀN GIẢM 70% HỌC PHÍ
(THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP) HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026**

*Kèm theo quyết định số: 308/QĐ-CDCT, ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh*

Stt	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Mã sinh Viên	Đối tượng	Mã ngành	Mức thu học phí 1 tháng	Mức thu học phí (tháng)	Số tiền giảm HK2	Mức học phí được miễn, giảm	Ký nhận
KHÓA 47 (2023 - 2026) NGÀNH CÔNG NGHỆ KT Ô TÔ											
1	Trần Phú Mạnh	06/10/2002	CCQ2317A	2123170001	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
2	Trần Văn Chương	27/01/2004	CCQ2317A	2123170002	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
3	Trần Gia Bảo	26/10/2004	CCQ2317A	2123170003	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
4	Nguyễn Duy Danh	30/09/2002	CCQ2317A	2123170006	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
5	Lê Nguyễn Đình Khang	20/04/2002	CCQ2317A	2123170007	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
6	Nguyễn Minh Toàn	31/07/2004	CCQ2317A	2123170008	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
7	Phùng Ngọc Lương	15/09/2004	CCQ2317A	2123170009	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
8	Sỹ Nhật Quý	01/01/2004	CCQ2317A	2123170012	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	



9	Đặng Lê Minh Nhật	22/06/1997	CCQ2317A	2123170014	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
10	Nguyễn Văn Trường	09/08/2005	CCQ2317A	2123170015	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
11	Nguyễn Kiến Quốc	13/11/2005	CCQ2317A	2123170016	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
12	Nguyễn Hoài Việt	17/05/2005	CCQ2317A	2123170020	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
13	Vương Nguyễn Trường Thịnh	08/03/2005	CCQ2317A	2123170024	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
14	Phạm Văn Thanh	31/07/2005	CCQ2317A	2123170030	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
15	Huỳnh Văn Hải	08/07/2005	CCQ2317A	2123170031	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
16	Bùi Hữu Tùng	10/08/2005	CCQ2317A	2123170032	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
17	Nguyễn Thái Hoàng Long	25/03/2002	CCQ2317A	2123170033	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
18	Trần Trọng Đức	08/04/2005	CCQ2317A	2123170034	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
19	Võ Duy Bảo	12/04/2005	CCQ2317B	2123170036	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
20	Lê Trọng Nghĩa	14/03/2005	CCQ2317B	2123170037	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
21	Bùi Gia Vĩ	30/01/2005	CCQ2317B	2123170038	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
22	Nguyễn Đức Sự	02/04/2005	CCQ2317B	2123170040	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
23	Hồ Hoàng Trọng	09/07/2005	CCQ2317B	2123170041	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
24	Nguyễn Thanh Vỹ	20/10/2005	CCQ2317B	2123170043	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
25	Phạm Minh Hậu	05/06/2005	CCQ2317B	2123170045	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

26	Nguyễn Công Bình	19/04/2005	CCQ2317B	2123170046	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
27	Trần Nguyễn Hoàng Tiến	22/02/2005	CCQ2317B	2123170048	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
28	Phạm Lê Anh Khoa	03/02/2005	CCQ2317B	2123170049	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
29	Đào Minh Tâm	29/10/2005	CCQ2317B	2123170050	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
30	Ab Dol Ko Siêm	29/07/2005	CCQ2317B	2123170051	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
31	Diệp Gia Minh	26/01/2005	CCQ2317B	2123170052	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
32	Nguyễn Chí Ngà	20/04/2005	CCQ2317B	2123170053	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
33	Bùi Thái Nguyên	29/11/2005	CCQ2317B	2123170055	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
34	Hà Sơn Tường	07/06/2005	CCQ2317B	2123170056	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
35	Lương Nhật Tiến	08/12/2005	CCQ2317B	2123170057	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
36	Đinh Vũ Quang Thuận	18/05/2005	CCQ2317B	2123170060	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
37	Hồ Đăng Khoa	19/12/2004	CCQ2317B	2123170062	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
38	Nguyễn Hoàng Sơn	12/04/2005	CCQ2317B	2123170063	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
39	Nguyễn Quốc Bảo	17/08/2005	CCQ2317B	2123170064	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
40	Phan Quang Thạch	24/09/2005	CCQ2317B	2123170065	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
41	Trần Đức Tài	02/02/2005	CCQ2317B	2123170066	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
42	Bùi Văn Tú	18/01/2004	CCQ2317B	2123170070	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

43	Võ Thanh Sơn	31/07/2005	CCQ2317C	2123170074	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
44	Lê Hoàng Khải	20/01/2005	CCQ2317C	2123170075	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
45	Phạm Quốc Bảo	07/05/2005	CCQ2317C	2123170077	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
46	Phạm Minh Quân	26/03/2005	CCQ2317C	2123170080	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
47	Trần Quang Vũ	22/11/2005	CCQ2317C	2123170084	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
48	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	11/04/2005	CCQ2317C	2123170087	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
49	Phan Văn Trung	31/10/2005	CCQ2317C	2123170088	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
50	Nguyễn Lê Quốc An	26/11/2005	CCQ2317C	2123170092	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
51	Võ Chí Huy	22/05/2005	CCQ2317C	2123170094	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
52	Phan Hữu Trọng	17/04/2005	CCQ2317C	2123170098	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
53	Nguyễn Nam Phong	24/09/2005	CCQ2317C	2123170099	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
54	Lê Hoàng Vĩnh Thụy	29/07/2005	CCQ2317C	2123170100	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
55	Nguyễn Văn Trung	16/10/2004	CCQ2317C	2123170101	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
56	Nguyễn Minh Thành	28/12/2004	CCQ2317D	2123170107	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
57	Trần Trung Hiếu	22/12/2005	CCQ2317D	2123170108	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
58	Phạm Viết Long	20/12/2003	CCQ2317D	2123170110	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
59	Phạm Huỳnh Khả	26/01/2005	CCQ2317D	2123170113	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

60	Nguyễn Đăng Quý	28/06/2005	CCQ2317D	2123170114	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
61	Ninh Đức Hiệu	15/06/2005	CCQ2317D	2123170115	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
62	Phạm Hoàng Dư	08/04/2005	CCQ2317D	2123170118	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
63	Đoàn Phi Vũ	03/01/2005	CCQ2317D	2123170119	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
64	Dương Minh Kha	19/11/2005	CCQ2317D	2123170120	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
65	Võ Châu Lim	18/06/2005	CCQ2317D	2123170121	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
66	Trương Trần Hoàng Huy	30/12/2005	CCQ2317D	2123170122	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
67	Lê Nguyễn Hoàng Phúc	10/03/2005	CCQ2317D	2123170123	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
68	Trần Tấn Minh	07/01/2005	CCQ2317D	2123170124	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
69	Thân Trọng Kiên	08/03/2004	CCQ2317D	2123170126	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
70	Phạm Xuân Huỳnh	25/08/2005	CCQ2317D	2123170128	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
71	Dương Quang Hào	23/10/2005	CCQ2317D	2123170132	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
72	Nguyễn Kim Đô	21/09/2005	CCQ2317D	2123170137	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
73	Nguyễn Huy Quý	16/01/2005	CCQ2317D	2123170139	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
74	Lê Đăng Quang Phúc	22/04/2005	CCQ2317D	2123170140	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
75	Ngô Quang Tinh	17/04/2005	CCQ2317E	2123170143	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
76	Nguyễn Thiện Tâm	27/09/2005	CCQ2317E	2123170144	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

77	Mai Ngọc Tĩnh	03/02/2005	CCQ2317E	2123170145	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
78	Nguyễn Trung Kiên	15/10/2005	CCQ2317E	2123170147	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
79	Võ Phi Sơn	13/08/2005	CCQ2317E	2123170148	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
80	Phạm Quốc Phát	10/11/2005	CCQ2317E	2123170150	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
81	Võ Văn Phong	25/05/2005	CCQ2317E	2123170151	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
82	Lê Cương	06/11/2005	CCQ2317E	2123170152	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
83	Võ Văn Hưng	15/09/2005	CCQ2317E	2123170156	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
84	Phan Huỳnh	27/10/2005	CCQ2317E	2123170157	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
85	Lê Khả Đạt	29/08/2005	CCQ2317E	2123170158	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
86	Bùi Văn Tấn Phát	10/07/2005	CCQ2317E	2123170161	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
87	Trần Huy Phúc	19/03/2005	CCQ2317E	2123170162	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
88	Lê Minh Tường	10/07/2005	CCQ2317E	2123170164	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
89	Nguyễn Công Thịnh	27/09/2005	CCQ2317E	2123170165	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
90	Nguyễn Duy Nguyên	22/03/2005	CCQ2317E	2123170168	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
91	Nguyễn Tấn Bảo	17/04/2005	CCQ2317E	2123170169	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
92	Hồ Tấn Nhân	19/08/2005	CCQ2317E	2123170170	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
93	Bùi Anh Khoa	27/01/2005	CCQ2317E	2123170172	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

94	Nguyễn Công Đạt	25/11/2005	CCQ2317E	2123170174	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
95	Nguyễn Thanh Toàn	01/05/2005	CCQ2317E	2123170175	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
96	Trần Tấn Tín	03/09/2005	CCQ2317F	2123170178	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
97	Kiều Tuấn Huy	11/05/2005	CCQ2317F	2123170179	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
98	Võ Ngọc Phúc	25/10/2005	CCQ2317F	2123170180	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
99	Ngô Quang Linh	03/01/2005	CCQ2317F	2123170184	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
100	Trần Phan Minh Thiên	15/10/2005	CCQ2317F	2123170186	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
101	Lê Nhật Nam	07/02/2005	CCQ2317F	2123170187	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
102	Lê Chí Tài	06/04/2005	CCQ2317F	2123170188	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
103	Dương Nguyễn Hoàng Thi	09/04/2004	CCQ2317F	2123170190	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
104	Nguyễn Hải Hưng	25/02/2004	CCQ2317F	2123170191	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
105	Đặng Đức Huy	02/05/2005	CCQ2317F	2123170193	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
106	Nguyễn Đăng Khoa	14/12/2005	CCQ2317F	2123170195	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
107	Trần Xuân Hùng	24/09/2003	CCQ2317F	2123170196	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
108	Ngô Đăng Mạnh	26/11/2005	CCQ2317F	2123170197	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
109	Nguyễn Văn Hưng	06/06/2005	CCQ2317F	2123170199	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
110	Phan Chí Kiệt	19/09/2005	CCQ2317F	2123170200	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

111	Võ Duy Thanh	16/09/2005	CCQ2317F	2123170201	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
112	Nguyễn Duy Khang	30/09/2005	CCQ2317F	2123170202	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
113	Nguyễn Đông	11/07/2005	CCQ2317F	2123170203	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
114	Nguyễn Thanh Huy	26/11/2005	CCQ2317F	2123170204	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
115	Nguyễn Quang Tân	08/05/2005	CCQ2317F	2123170206	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
116	Nguyễn Minh Đạt	31/10/2005	CCQ2317F	2123170208	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
117	Võ Nhi Khang	06/02/2005	CCQ2317G	2123170212	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
118	Nguyễn Duy Anh	13/10/2005	CCQ2317G	2123170213	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
119	Lão Văn Hùng	01/02/2005	CCQ2317G	2123170214	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
120	Lê Thị Phương Nhi	16/04/2005	CCQ2317G	2123170215	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
121	Trần Đào Gia Huy	29/05/2005	CCQ2317G	2123170216	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
122	Cao Hoài Lượng	30/06/2005	CCQ2317G	2123170221	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
123	Phạm Minh Khôi	11/04/2005	CCQ2317G	2123170222	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
124	Trần Châu Gia Viễn	18/10/2005	CCQ2317G	2123170225	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
125	Võ Văn Hoàng	03/10/2005	CCQ2317G	2123170226	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
126	Trần Quốc Toàn	07/03/2005	CCQ2317G	2123170228	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
127	Trần Quốc Bảo	30/11/2005	CCQ2317G	2123170229	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

128	Nguyễn Việt Hải	08/01/2005	CCQ2317G	2123170233	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
129	Nguyễn Thái Trường	06/09/2005	CCQ2317G	2123170234	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
130	Lê Hoàng Vũ	04/08/2005	CCQ2317G	2123170235	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
131	Lê Tấn Lương	02/06/2005	CCQ2317G	2123170236	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
132	Hà Phước Hoàng Long	21/10/2005	CCQ2317G	2123170237	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
133	Nguyễn Đắc Tài	05/06/2005	CCQ2317G	2123170238	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
134	Lê Hữu Anh Duy	17/10/2005	CCQ2317G	2123170240	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
135	Nguyễn Thanh Tiền	07/11/2005	CCQ2317G	2123170241	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
136	Phạm Hoàng Phi	07/03/2005	CCQ2317H	2123170246	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
137	Trần Văn Bảo Duy	13/11/2005	CCQ2317H	2123170249	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
138	Nguyễn Thế Bảo	10/08/2005	CCQ2317H	2123170250	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
139	Nguyễn Hoàng Gia Thiện	31/03/2005	CCQ2317H	2123170254	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
140	Chu Quang Phúc	08/07/2005	CCQ2317H	2123170257	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
141	Nguyễn Hữu Trung	16/04/2005	CCQ2317H	2123170258	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
142	Dương Sĩ Phôn	14/02/2005	CCQ2317H	2123170259	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
143	Nguyễn Văn Nguyên	26/05/2005	CCQ2317H	2123170262	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
144	Nguyễn Hữu Thiện	02/06/2005	CCQ2317H	2123170263	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

145	Lý Thanh Kiệt	11/04/2005	CCQ2317H	2123170264	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
146	Mai Ngọc Quý	27/01/2005	CCQ2317H	2123170266	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
147	Nguyễn Đăng Thắng	29/06/2004	CCQ2317H	2123170272	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
148	Lê Doãn	03/05/2005	CCQ2317H	2123170274	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
149	Nguyễn Nhật Nam	01/10/2005	CCQ2317H	2123170278	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
150	Nguyễn Tấn Thọ	01/10/2005	CCQ2317H	2123170279	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
151	Lê Trương Quốc Huy	21/10/2005	CCQ2317H	2123170280	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
152	Dư Hùng Mạnh	18/03/2005	CCQ2317I	2123170281	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
153	Võ Nguyễn Thanh Tâm	08/04/2005	CCQ2317I	2123170283	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
154	Nguyễn Lê Thanh Phi	11/03/2005	CCQ2317I	2123170284	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
155	Võ Thái Ngọc	17/03/2005	CCQ2317I	2123170288	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
156	Phạm Thanh Nam	16/07/2005	CCQ2317I	2123170289	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
157	Nguyễn Trần Thành Đạt	15/06/2005	CCQ2317I	2123170290	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
158	Phan Minh Quốc	25/08/2005	CCQ2317I	2123170293	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
159	Lê Thanh Phát	30/07/2005	CCQ2317I	2123170294	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
160	Nguyễn Văn Gia Bảo	23/12/2004	CCQ2317I	2123170295	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
161	Lê Thanh Tuấn	17/08/2005	CCQ2317I	2123170297	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

162	Nguyễn Hữu Thắng	27/11/2005	CCQ2317I	2123170298	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
163	Trần Duy Nhựt	30/05/2005	CCQ2317I	2123170300	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
164	Nguyễn Hoàng Sanh	27/08/2005	CCQ2317I	2123170301	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
165	Nguyễn Văn Dũng	19/05/2004	CCQ2317I	2123170302	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
166	Trần Thanh Tâm	25/05/2005	CCQ2317I	2123170303	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
167	Nguyễn Phước Thịnh	14/03/2004	CCQ2317I	2123170304	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
168	Nguyễn Tiểu Long	06/07/2005	CCQ2317I	2123170305	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
169	Trần Đỗ Quý Lộc	28/02/2005	CCQ2317I	2123170307	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
170	Nguyễn Nhật Tân	20/06/2005	CCQ2317I	2123170311	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
171	Nguyễn Minh Thọ	23/06/2005	CCQ2317I	2123170312	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
172	Nguyễn Đăng Triệu	03/05/2005	CCQ2317I	2123170313	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
173	Nguyễn Phước Thuận	17/06/2005	CCQ2317I	2123170315	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
174	Lê Anh Khôi	22/10/2005	CCQ2317I	2123170316	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
175	Lê Đình Bảo Duy	31/07/2005	CCQ2317J	2123170317	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
176	Trần Văn Cường	02/08/2005	CCQ2317J	2123170318	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
177	Đào Ngọc Trí	05/01/2005	CCQ2317J	2123170324	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
178	Nguyễn Võ Văn Thân	24/01/2005	CCQ2317J	2123170325	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

179	Phạm Thanh Hoàng	07/04/2005	CCQ2317J	2123170327	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
180	Nguyễn Duy Bảo	09/06/2005	CCQ2317J	2123170328	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
181	Võ Văn Hiếu	28/11/2005	CCQ2317J	2123170329	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
182	Đào Anh Đức	30/12/2005	CCQ2317J	2123170331	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
183	Nguyễn Quốc Kha	06/04/2005	CCQ2317J	2123170332	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
184	Ngô Phước Lộc	10/07/2005	CCQ2317J	2123170334	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
185	Nguyễn Văn Chí Hào	22/09/2003	CCQ2317J	2123170336	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
186	Nguyễn Xuân Hào	17/11/2005	CCQ2317J	2123170342	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
187	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	22/10/2005	CCQ2317J	2123170344	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
188	Đào Văn Hoan	10/06/2005	CCQ2317J	2123170345	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
189	Võ Phi Triết	30/06/2005	CCQ2317J	2123170346	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
190	Vũ Tấn Phát	16/11/2005	CCQ2317J	2123170349	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
191	Thái Anh Tùng	13/10/2005	CCQ2317J	2123170350	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
192	Lê Nguyễn Anh Khoa	10/05/2005	CCQ2317K	2123170352	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
193	Nguyễn Văn Nhựt	23/06/2005	CCQ2317K	2123170353	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
194	Lê Thanh Phúc	09/12/2005	CCQ2317K	2123170354	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
195	Quách Văn Nhân	23/09/2005	CCQ2317K	2123170355	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

196	Nguyễn Quốc Kiệt	21/03/2005	CCQ2317K	2123170356	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
197	Đào Trung Khánh	11/11/2005	CCQ2317K	2123170357	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
198	Nguyễn Thanh Thoáng	19/04/2005	CCQ2317K	2123170359	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
199	Lê Quang Vương	18/08/2005	CCQ2317K	2123170363	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
200	Kiều Ngọc Sang	18/01/2005	CCQ2317K	2123170364	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
201	Trần Phúc Tấn	19/11/2005	CCQ2317K	2123170365	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
202	Nguyễn Ngọc Thắng	11/11/2005	CCQ2317K	2123170366	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
203	Phan Ngọc Sơn	12/03/2005	CCQ2317K	2123170367	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
204	Nguyễn Đình Thành	21/07/2005	CCQ2317K	2123170369	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
205	Trần Quốc Anh	27/11/2005	CCQ2317K	2123170371	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
206	Nguyễn Quang Hoài	11/12/2005	CCQ2317K	2123170372	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
207	Trần Văn Thái	05/02/2004	CCQ2317K	2123170374	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
208	Huỳnh Anh Khương	13/07/2005	CCQ2317K	2123170375	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
209	Lê Văn Tuấn	21/02/2005	CCQ2317K	2123170377	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
210	Trần Hiếu Cẩm	28/06/2005	CCQ2317K	2123170380	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
211	Trần Hoàng Trọng Hiếu	31/10/2005	CCQ2317K	2123170381	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
212	Trịnh Minh Khôi	10/04/2005	CCQ2317K	2123170383	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

213	Nguyễn Huỳnh Văn Minh Tân	15/02/2005	CCQ2317K	2123170385	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
214	Hồ Minh Dương	29/06/2005	CCQ2317K	2123170386	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
215	Nguyễn Ngọc Khải	11/01/2005	CCQ2317K	2123170387	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
216	Nguyễn Xuân Nghiệp	08/10/1998	CCQ2317L	2123170389	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
217	Huỳnh Lương Phước Luân	05/01/2005	CCQ2317L	2123170390	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
218	Trần Quốc Tiến	30/05/2005	CCQ2317L	2123170392	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
219	Nguyễn Thanh Sang	21/02/2005	CCQ2317L	2123170394	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
220	Nguyễn Quang Linh	18/07/2004	CCQ2317L	2123170396	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
221	Phạm Văn Thành	01/08/2005	CCQ2317L	2123170397	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
222	Đoàn Đức Phát	03/08/2005	CCQ2317L	2123170399	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
223	Nguyễn Minh Khôi	28/01/2005	CCQ2317K	2123170401	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
224	Hồ Nhật Duy Lâm	21/09/2005	CCQ2317L	2123170403	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
225	Nguyễn Chí Quốc	17/07/2004	CCQ2317L	2123170404	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
226	Phạm Huy Hoàng	23/09/2004	CCQ2317L	2123170405	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
227	Đặng Nguyễn Hoàng Huy	13/09/2005	CCQ2317L	2123170407	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
228	Đoàn Trí Cường	25/03/2005	CCQ2317L	2123170410	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
229	Nguyễn Sỹ Giáp	06/01/2005	CCQ2317L	2123170411	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

230	Huỳnh Quốc Thắng	31/10/2005	CCQ2317L	2123170413	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
231	Lê Xuân Vinh	04/09/2005	CCQ2317L	2123170414	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
232	Nguyễn Minh Thiện	04/11/2005	CCQ2317L	2123170415	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
233	Dương Văn Hợp	12/04/2005	CCQ2317L	2123170417	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
234	Phan Ngọc Duy	14/01/2005	CCQ2317L	2123170418	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
235	Trần Tấn Đức	23/08/2005	CCQ2317L	2123170419	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
236	Phạm Tiến Dương	11/02/2005	CCQ2317L	2123170420	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
237	Ngô Đỗ Đình Nhung	19/12/2005	CCQ2317M	2123170425	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
238	Nguyễn Minh Tiến	04/03/2005	CCQ2317M	2123170426	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
239	Nguyễn Huỳnh Thành Phát	01/12/2004	CCQ2317M	2123170428	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
240	Nguyễn Vũ Chí Bảo	23/01/2005	CCQ2317M	2123170429	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
241	Nguyễn Duy Khánh	04/11/2005	CCQ2317M	2123170430	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
242	Thân Mạnh Tiến	10/02/2005	CCQ2317M	2123170431	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
243	Đoàn Mạnh Cường	01/11/2005	CCQ2317M	2123170432	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
244	Nguyễn Thanh Quân	31/03/2005	CCQ2317M	2123170433	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
245	Nguyễn Vũ Thành Viên	24/04/2005	CCQ2317M	2123170434	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
246	Lâu Phùng Khin	14/03/2005	CCQ2317M	2123170435	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

247	Đặng Ngọc Hiền	13/08/2005	CCQ2317M	2123170437	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
248	Lê Trần Dương Khang	08/11/2005	CCQ2317M	2123170443	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
249	Đặng Tuấn Khanh	26/02/2005	CCQ2317M	2123170444	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
250	Huỳnh Hoàng Thiên	11/03/2005	CCQ2317M	2123170445	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
251	Nguyễn Huỳnh Đức	03/11/2003	CCQ2317M	2123170448	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
252	Phan Phạm Quốc Thịnh	27/05/2005	CCQ2317M	2123170449	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
253	Lê Văn Tuấn	18/11/2005	CCQ2317I	2123170452	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
254	Phan Trọng Trí	01/11/2005	CCQ2317M	2123170453	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
255	Tạ Văn Luyến	09/03/2005	CCQ2317M	2123170457	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
256	Đinh Công Thanh	16/09/2005	CCQ2317M	2123170458	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
257	Phạm Anh Đức	02/08/2005	CCQ2317M	2123170459	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
258	Từ Gia Phúc	28/08/2005	CCQ2317M	2123170460	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
259	Dương Văn Thảo	16/04/2004	CCQ2317N	2123170462	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
260	Nguyễn Bá Thành	13/12/2005	CCQ2317N	2123170466	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
261	Phan Quốc Toàn	21/09/2005	CCQ2317N	2123170467	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
262	Thái Nguyễn Anh Quân	02/04/2005	CCQ2317N	2123170468	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
263	Nguyễn Tuấn Khôi	18/09/2005	CCQ2317N	2123170469	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

264	Hồ Thế Vỹ	31/03/2005	CCQ2317N	2123170470	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
265	Trịnh Chí Hường	26/09/2005	CCQ2317N	2123170472	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
266	Phạm Gia Huân	31/08/2005	CCQ2317N	2123170473	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
267	Nguyễn Chanh Uôn	26/09/2005	CCQ2317N	2123170474	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
268	Đỗ Phan Ngọc Phát	26/06/2005	CCQ2317N	2123170475	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
269	Nguyễn Văn Trường Khánh	29/12/2005	CCQ2317N	2123170478	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
270	Nguyễn Thanh Trà	03/10/2003	CCQ2317N	2123170480	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
271	Nguyễn Trung Tín	28/02/2005	CCQ2317N	2123170482	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
272	Huỳnh Công Tuấn	18/08/2005	CCQ2317N	2123170483	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
273	Lê Anh Kiệt	28/03/2005	CCQ2317N	2123170486	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
274	Thái Thanh Hoài	07/08/2005	CCQ2317N	2123170488	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
275	Nguyễn Mạnh Tình	09/11/2005	CCQ2317N	2123170490	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
276	Nguyễn Trường Duy	25/06/2005	CCQ2317N	2123170491	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
277	Nguyễn Duy An	18/01/2005	CCQ2317N	2123170492	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
278	Nguyễn Lê Thanh Hải	09/01/2005	CCQ2317N	2123170493	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
279	Nguyễn Đình Đăng	22/07/2005	CCQ2317N	2123170494	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
280	Nguyễn Duy Nam	03/03/2005	CCQ2317N	2123170495	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

281	Nguyễn Quang Trường	12/12/2005	CCQ2317N	2123170496	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
282	Huỳnh Anh Tuấn	09/02/2005	CCQ2317N	2123170497	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
283	Lâm Thành Phúc	28/08/2005	CCQ2317O	2123170500	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
284	Huỳnh Gia Phú	01/11/2004	CCQ2317N	2123170501	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
285	Võ Thiện Vương	06/11/2005	CCQ2317O	2123170505	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
286	Trương Thiết Trị	15/12/2004	CCQ2317O	2123170508	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
287	Lê Đức Anh	05/09/2005	CCQ2317O	2123170509	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
288	Trần Phúc Kha	03/03/2005	CCQ2317O	2123170510	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
289	Ngô Phúc Toàn	02/02/2005	CCQ2317O	2123170511	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
290	Trần Gia Huy	25/05/2005	CCQ2317O	2123170512	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
291	Thái Trung Khoa	13/10/2005	CCQ2317O	2123170513	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
292	Phan Hữu Thi	27/01/2005	CCQ2317O	2123170514	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
293	Thái Trung Đăng	13/10/2005	CCQ2317O	2123170515	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
294	Trần Văn Hậu	16/03/2005	CCQ2317O	2123170518	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
295	Hồ Ngọc Chung	30/03/2005	CCQ2317O	2123170522	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
296	Nguyễn Trung Dũng	03/01/2005	CCQ2317O	2123170524	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
297	Hoàng Đình Nguyễn	24/08/2005	CCQ2317O	2123170529	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

298	Đỗ Tấn Định	22/08/2005	CCQ2317O	2123170530	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
299	Nguyễn Ngọc Thắng	18/11/2005	CCQ2317O	2123170531	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
300	Nguyễn Trung Việt	11/10/2005	CCQ2317O	2123170533	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
301	Phạm Lê Bảo Long	07/01/2005	CCQ2317O	2123170535	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
302	Lương Văn Thịnh	18/10/2005	CCQ2317P	2123170536	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
303	Vũ Quang Nam	24/12/2005	CCQ2317P	2123170538	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
304	Phạm Đăng Dương	17/10/2005	CCQ2317P	2123170540	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
305	Nguyễn Văn Huy	06/11/2005	CCQ2317P	2123170542	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
306	Kiều Thị Na	22/03/2005	CCQ2317P	2123170543	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
307	Hồ Quốc Anh	09/06/2005	CCQ2317P	2123170549	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
308	Võ Hoàng Hà	22/03/2005	CCQ2317P	2123170551	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
309	Vòng Nhật Hào	31/01/2004	CCQ2317P	2123170553	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
310	Nguyễn Hữu Minh Phúc	29/10/2002	CCQ2317P	2123170555	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
311	Vũ Quý Hiếu	28/10/2005	CCQ2317P	2123170556	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
312	Cao Khả Hoàn	25/07/2005	CCQ2317P	2123170559	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
313	Phạm Chí Tinh	15/09/2005	CCQ2317P	2123170562	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
314	Nguyễn Ngọc Hùng	23/11/2004	CCQ2317P	2123170564	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

315	Nguyễn Hoàng Hoài Bảo	29/10/2005	CCQ2317P	2123170565	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
316	Đặng Lê Minh Huy	09/04/2005	CCQ2317P	2123170567	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
317	Ngô Đức Thắng	12/10/2005	CCQ2317P	2123170568	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
318	Phạm Phúc Duy	26/12/2005	CCQ2317P	2123170569	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
319	Võ Phú Tài	21/06/2005	CCQ2317P	2123170570	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
320	Nguyễn Đức Tài	11/04/2005	CCQ2317Q	2123170571	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
321	Huỳnh Văn Kiệt	06/10/2005	CCQ2317Q	2123170575	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
322	Tăng Đào Anh Nguyên	21/06/2005	CCQ2317Q	2123170579	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
323	Kiều Quốc Anh	27/08/2005	CCQ2317Q	2123170580	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
324	Lê Văn Huy	19/12/2004	CCQ2317Q	2123170582	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
325	Trần Văn Kiệt	20/04/2005	CCQ2317Q	2123170583	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
326	Trần Phương Bình	10/10/2005	CCQ2317Q	2123170589	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
327	Trần Khánh Nam	12/11/2005	CCQ2317Q	2123170590	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
328	Phạm Vũ Thích	03/10/2005	CCQ2317Q	2123170594	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
329	Nguyễn Quốc Khánh	03/05/2005	CCQ2317Q	2123170595	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
330	Trần Văn Dũng	15/05/2005	CCQ2317Q	2123170598	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
331	Nguyễn Đức Đạt	05/10/2004	CCQ2317Q	2123170599	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

332	Phan Thành Đạt	26/09/2005	CCQ2317Q	2123170603	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
333	Phan Quý Hải	20/11/2005	CCQ2317Q	2123170604	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
334	Đỗ Huỳnh Quốc Thắng	02/08/2005	CCQ2317Q	2123170605	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
335	Đinh Nhân	10/04/2005	CCQ2317Q	2123170607	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
336	Lê Văn Long	26/05/2005	CCQ2317R	2123170609	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
337	Nguyễn Hữu Nhựt	02/07/2005	CCQ2317R	2123170610	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
338	Nguyễn Đức Hùng	27/11/2005	CCQ2317R	2123170612	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
339	Nguyễn Hữu Trinh	05/11/2005	CCQ2317R	2123170613	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
340	Nguyễn Trường Tạo	10/02/2005	CCQ2317R	2123170614	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
341	Nguyễn Trường Lộc	20/06/2005	CCQ2317R	2123170617	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
342	Ngư Trùng Dương	14/10/2005	CCQ2317R	2123170621	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
343	Nguyễn Công Tân	11/09/2005	CCQ2317R	2123170623	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
344	Huỳnh Ngọc Phúc	18/01/2005	CCQ2317R	2123170625	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
345	Nguyễn Văn Thành	27/01/2005	CCQ2317R	2123170626	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
346	Nguyễn Duy Hoàn	10/12/2005	CCQ2317R	2123170627	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
347	Phan Trần Sang	24/01/2005	CCQ2317R	2123170631	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
348	Trương Hoàng Đức	22/06/2005	CCQ2317R	2123170635	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	

349	Lê Thanh Trọng	31/10/2005	CCQ2317R	2123170637	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
350	Trần Cảnh Nhật	20/02/2005	CCQ2317R	2123170640	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
351	Nguyễn Ngọc Hào Nam	28/08/2005	CCQ2317R	2123170642	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
352	Đinh Thanh Hải	12/09/2005	CCQ2317B	2123170644	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
353	Chau Na Sone	27/10/2005	CCQ2317B	2123170656	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
354	Tạ Ngọc Dũng	30/05/2005	CCQ2317B	2123170657	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
355	Nguyễn Toàn	15/03/2005	CCQ2317B	2123170658	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
356	Nguyễn Thành Thái	23/11/2005	CCQ2317C	2123110053	Ngành học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6510202	1.300.000	5	4.550.000	Giảm 70%	
TỔNG CỘNG KHÓA 47:						356			1.619.800.000		

Số tiền bằng chữ: Một tỷ sáu trăm mười chín triệu tám trăm ngàn đồng

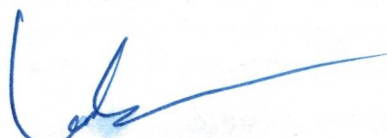
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV



Lê Quang Vinh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tâm

